



KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ TƯ VẤN NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

VƯƠNG HỒNG HẠNH

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, theo lộ trình, sau năm 2015, khi cộng đồng kinh tế ASEAN được thiết lập, cơ hội để sinh viên (SV) Việt Nam ra trường có thể tìm kiếm cơ hội làm việc tại các quốc gia trong khu vực sẽ rộng mở. Mặt khác, sự cạnh tranh sẽ diễn ra ngay trên “sân nhà” khi cơ hội tương tự cũng được san sẻ cho lực lượng này ở các quốc gia khác trong khối ASEAN. Bối cảnh này đã khiến cho việc tư vấn nghề nghiệp (TVNN) cho SV các trường đại học của Việt Nam càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Bài viết trình bày kinh nghiệm quốc tế về TVNN. Từ đó, đề xuất một số giải pháp phát triển công tác TVNN cho SV đại học ở Việt Nam.

Từ khóa: Tư vấn nghề nghiệp; giáo dục đại học; sinh viên.

(Nhận bài ngày 02/5/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 13/6/2016; Duyệt đăng ngày 24/6/2016)

1. Đặt vấn đề

TVNN cho SV đại học là các hoạt động giúp SV tiếp tục đánh giá năng lực, sở thích, tính cách của bản thân để xác định mức độ phù hợp với những ngành học đã chọn và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để thích ứng với công việc trong tương lai. Nhiều quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới như Hoa Kỳ, Singapore, Australia, Trung Quốc, Nhật Bản... đã nhận thức rất sớm về vai trò của TVNN cho SV đại học, có chiến lược, phương pháp thực hiện khoa học và đem lại hiệu quả cao.

Ở Việt Nam hiện nay, một bộ phận không nhỏ SV đang ngồi trên ghế nhà trường đại học vẫn còn có cảm nhận trung tính, thậm chí thấy mình đã chọn sai ngành nghề đang học. Những thông tin về nghề nghiệp cùng với các yếu tố liên quan, các chỉ số về năng lực, kĩ năng, tính cách... phải liên tục được cập nhật, quan tâm và đối chiếu với ngành nghề sẽ làm, giúp SV hiểu đúng về việc học đại học một cách hiệu quả. Nghị quyết số 29-NQ/TW cũng chỉ rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học là “... hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục đại học... trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế”. Điều đó càng khẳng định tầm quan trọng của công tác TVNN cho SV đại học.

2. Kinh nghiệm quốc tế về tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên đại học

Ở Hoa Kỳ, vai trò tư vấn nghề sớm được trao cho trường học. Phần lớn các nhà tư vấn nghề là giáo viên được đào tạo bài bản để thực hiện sứ mệnh này. Các nhà tư vấn nghề trong hoặc ngoài trường học (các thiết chế công nghiệp hoặc các tổ chức xã hội) phải trang bị các kĩ năng đặc biệt để có thể đưa ra những lời khuyên về nghề.

Để có được các kĩ năng đặc biệt, Luật Giáo dục công ở bang New York cho phép các nhà quản lí trường học cấp quận/huyện gửi đi đào tạo đội ngũ giáo viên làm nghề tư vấn nghề và hướng dẫn và nghề nghiệp cho trẻ. Những giáo viên hoặc những ai có chức năng tư vấn nghề, nếu muốn tiến hành công việc tư vấn của mình một nửa thời gian thì phải có bằng chuyên môn về tư vấn nghề. Để đạt được loại chứng chỉ về chuyên môn tư vấn nghề như

thế, ứng viên phải theo học một khoá đào tạo tư vấn nghề ở trường cao đẳng hoặc đại học trong vòng bốn năm. Thêm vào đó, ứng viên cần có ít nhất hai năm kinh nghiệm hoạt động trong một nghề nào đó thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, nông nghiệp... Các môn học chính của người tư vấn nghề gồm: Tâm lí học (cơ bản là tâm lí lứa tuổi vị thành niên), Xã hội học, Sư phạm, Lịch sử công nghiệp, Kinh tế chính trị, Các nguyên tắc hướng học và hướng nghiệp, Sử dụng các loại test, Nguyên lí và các vấn đề giáo dục hướng nghiệp, Các phương pháp hướng nghiệp và bố trí lao động, pháp lí về lao động, Các vấn đề và điều kiện lao động, nghiên cứu các nghề thủ công, tay chân, bán tri thức và tri thức.

Một số trường đại học ở Hoa Kỳ còn tổ chức các khoá học hè về tư vấn nghề. Ở Đại học Columbia, một trong những khoá học như thế bao gồm các môn học như sau: 1/Định hướng trong giáo dục và trong nghề nghiệp; 2/Phân tích “thân chủ”; 3/Tuyên truyền về các nghề, các phương pháp trong nghiên cứu các nghề; 4/Các bài học mẫu trong các lớp lao động tay chân, kiểm tra trí tuệ; 5/Nghiên cứu hệ quả kinh tế của giáo dục, thống kê về giáo dục cơ sở; 6/Tâm lí học lứa tuổi vị thành niên; 7/Các nguyên tắc cơ bản về vệ sinh; 8/Các nguyên tắc về công tác xã hội và các vấn đề lao động.

Chương trình đào tạo tư vấn nghề của Đại học Havard dành cho những SV chưa được học nhiều về kiến thức phổ thông, nhưng mong muốn trở thành nhà tư vấn nghề, bao gồm những môn học như sau:

- Học kì 1: Nhập môn về các phương pháp giảng dạy (lịch sử và so sánh); Các nguyên tắc về tâm lí học giáo dục; Các nguyên tắc hướng nghiệp.

- Học kì 2: Các phương pháp kiểm tra cá nhân và sư phạm thực nghiệm; Các nguyên tắc giáo dục; Hướng nghiệp, tư vấn nghề và tổ chức tư vấn nghề.

- Học kì 3: Hướng nghiệp thông qua giáo dục; Kinh tế xã hội (hay xã hội học kinh tế); Kiểm tra năng khiếu và năng lực trong hướng nghiệp; Toạ đàm hướng nghiệp.

Như vậy, có thể nói rằng, trọng tâm của công tác tổ chức tư vấn nghề ở Hoa Kỳ được vào việc đào tạo các nhà tư vấn gắn cơ bản với giáo viên. Ban đầu, sự chuẩn bị các

nhà tư vấn nghề còn mang tính bột phát, dựa vào hoàn cảnh và khả năng của các cá nhân muốn hành nghề tư vấn nghề. Dần dần, ở Hoa Kỳ, người ta đi đến một hệ thống chuẩn mực thống nhất và đầy đủ trong việc đào tạo nhà tư vấn nghề. Chuẩn mực ấy có thể áp dụng được cho tất cả các bang. Các nguyên tắc cơ bản để tư vấn nghề được các giáo sư tại Đại học Columbia nghiên cứu và đưa ra như sau: 1/Tư vấn nghề là một nghề được xác định rõ ràng trong xã hội. Do vậy, cần có đào tạo đặc biệt dành cho những người hành nghề tư vấn; 2/Đào tạo người làm nghề tư vấn nghề phải mang tính chất đại học (có trình độ đại học do các giáo sư đại học đảm nhận cơ bản). Trước khi đào tạo để làm nghề tư vấn nghề, ứng viên phải được đào tạo phổ thông cơ bản tương đương với phổ thông trung học và các ứng viên giỏi về khoa học xã hội - nhân văn thì được ưu tiên; 3/Các môn học trong các lớp chuẩn bị đặc biệt phải phù hợp với hoạt động tư vấn nghề; 4/Ngoài các lớp học này, SV phải có kinh nghiệm trong lao động tri thức hoặc một nghề nào đó ngoài lĩnh vực giáo dục.

Trên cơ sở các nguyên tắc ấy, các môn học cơ bản được thống nhất ở Hoa Kỳ để đào tạo nhà tư vấn nghề gồm:

1/*Các môn học chính*: Nguyên tắc và các vấn đề hướng nghiệp; Phân tích các nghề; Các phương pháp điều tra về nghề; Phân tích tâm lý cá nhân và các cách thức khuyến; Bố trí và kiểm soát lao động; Công tác tuyên truyền về lao động trong hướng nghiệp; Nghiên cứu trong các lĩnh vực đặc biệt.

2/*Các môn học kĩ thuật thích ứng*: Thống kê; Tests tâm lý; Kiểm tra những "trường hợp đặc biệt"; Hướng học.

3/*Các môn học đặc biệt*: Đào tạo nghề; Các vấn đề lao động; Chăm sóc sức khoẻ tinh thần (vệ sinh dịch tễ); Tâm lý học về các trường hợp ngoại lệ; Tâm lý học về lứa tuổi vị thành niên.

Như vậy, công tác tổ chức tư vấn nghề ở Hoa Kỳ được đặt lên vai của nhà tư vấn, cơ bản là giáo viên. Người ta tin tưởng vào kiến thức, kĩ năng và năng lực của các nhà tư vấn nghề được đào tạo. Một khi nhà tư vấn nghề có được chứng chỉ hành nghề thì họ toàn quyền cạnh tranh trong lĩnh vực này. Một điểm quan trọng nữa là vấn đề hướng học và hướng nghiệp đã sớm được lồng ghép và phối hợp với nhau. Thông qua việc nghiên cứu chương trình đào tạo tư vấn nghề ở Hoa Kỳ và căn cứ vào khung lý thuyết đã nêu trên, có thể thấy rằng, khối lượng tri thức để tư vấn nghề ở Hoa Kỳ là khá toàn diện, bao phủ khối tri thức về yêu cầu của các nghề và khối tri thức xã hội. Tuy nhiên, vai trò của khối tri thức xã hội học định lượng và thống kê cũng được coi trọng bên cạnh những tri thức về tâm lý học giáo dục. Riêng mảng thông tin về thị trường lao động vẫn không được coi trọng nhiều trong công tác tư vấn nghề ở Hoa Kỳ.

Ở *Australia*, trong thập kỉ qua, nền giáo dục phát triển nhanh chóng và đạt được nhiều thành tựu đáng kể, đặc biệt là ở bậc Giáo dục đại học. Giáo dục đại học *Australia* đi theo định hướng chung của các nước OECD, dựa trên nhu cầu và xu hướng của thị trường. Một trong những yếu tố được quan tâm đặc biệt là mức độ đáp ứng yêu cầu về kĩ năng làm việc trong đó có TVNN của SV sau khi tốt nghiệp.

Giáo dục *Australia* chuyển từ giáo dục tinh hoa

sang giáo dục đại chúng làm tăng lượng SV gia nhập giáo dục đại học. Nhiều trường đại học bên cạnh các phương pháp truyền thống đã tích cực áp dụng các phương pháp mới, tích hợp giảng dạy TVNN vào trong chương trình chính thức.

Sự chuyển giao trực tuyến của chương trình đại học phát triển nhanh chóng. Sáng tạo môi trường trực tuyến nhằm phát triển kĩ năng xây dựng và làm việc nhóm gặp một số khó khăn bởi các yếu tố như: Sự độc lập của SV và mô hình lấy cá nhân làm trung tâm của việc học trực tuyến. Làm việc nhóm trong các lớp gặp vấn đề do sự cố gắng nỗ lực không đồng đều của các thành viên trong nhóm, sự tham gia đóng góp cho nhóm của các thành viên khác nhau. Một trong những yêu cầu được đặt ra đối với SV tốt nghiệp là khả năng làm việc nhóm theo yêu cầu công việc, đặc biệt là đối với SV của các ngành công nghệ thông tin.

Bối cảnh đó đã thúc đẩy mạnh mẽ TVNN ở *Australia*. Dự thảo chiến lược phát triển quốc gia của *Australia* (National Strategy for international education) 2015 nhấn mạnh vai trò của việc phát triển "*Kĩ năng con người, khả năng nghiên cứu và các thành công trong giáo dục*" là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển nguồn nhân lực và phát triển đất nước, đáp ứng tốc độ phát triển giáo dục quốc tế (*Australia*, 2015).

Trung Quốc là nước đông dân nhất thế giới, giáo dục phải "gánh trên vai" một số lượng lớn khủng khiếp, khoảng 70,982 triệu học sinh (HS). *Trung Quốc* là nước giàu tiềm lực lao động, cần được phát triển. Tuy nhiên, giáo dục của *Trung Quốc* ở mức độ chưa cao, số năm trung bình đến trường của người lớn là 5 năm và có khoảng 180 triệu người lớn mù chữ, chiếm khoảng 22,28% số lượng người trưởng thành.

Sau năm 1979, *Trung Quốc* bắt đầu xây dựng nền kinh tế với quy mô lớn và đòi hỏi lượng lao động lớn, có tay nghề bậc sơ và trung. Do vậy, Chính phủ *Trung Quốc* quyết định đầu tư lớn để phát triển nguồn nhân lực.

Trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa, cũng giống như nhiều nước phát triển, *Trung Quốc* phải đổi mới với những thách thức trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và giáo dục. Trong *Chiến lược quốc gia*, Chính phủ *Trung Quốc* nhấn mạnh mục tiêu phát triển đất nước thành quốc gia có nguồn nhân lực chất lượng cao trong mọi lĩnh vực vào năm 2020. Để xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao, Chính phủ *Trung Quốc* rất chú trọng vai trò của giáo dục, đặc biệt là giáo dục bậc ba (bậc học trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực).

3. Một số bài học phát triển công tác tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên đại học ở Việt Nam

3.1. Bối cảnh tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên đại học ở Việt Nam

Đánh giá đúng vai trò và tầm quan trọng của TVNN và tình trạng thiếu thông tin TVNN của HS, SV, nhiều văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh công tác TVNN cho đối tượng này. Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng yếu tố con người, lấy con người làm nền cốt của việc phát triển bền vững. Với phương châm lấy lao động (con người) là thị trường cơ bản đầu tiên và xuyên suốt như vậy, Đảng và Nhà nước đã ra nhiều văn bản khác nhau về vấn đề hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp, đồng thời có những chương trình lớn về đào tạo



nghe giúp cho thanh niên nói chung và SV nói riêng tìm được công ăn việc làm phù hợp, phát huy được năng lực và trí tuệ, thể hiện được động cơ và đam mê của cá nhân và đáp ứng tốt nhu cầu xã hội.

3.2. Một số bài học về phát triển công tác tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên đại học ở Việt Nam

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của giáo dục TVNN Việt Nam và kinh nghiệm TVNN của các quốc gia Hoa Kỳ, Trung Quốc và Australia, chúng tôi trình bày một số bài học về phát triển công tác TVNN cho SV đại học tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, TVNN cho HS/SV sớm: Căn định hướng cho HS/SV theo từng độ tuổi để hình thành, phát triển nhận thức về các kĩ năng có liên quan đến nghề nghiệp tương lai. TVNN là một quá trình, phải chuẩn bị cho HS/SV ngay từ khi bước vào cánh cổng nhà trường. Xác định sớm nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích của HS sẽ đem lại sự lựa chọn đúng đắn trong việc chọn nghề, chọn trường cho SV.

Thứ hai, phát triển hệ thống thông tin nghề nghiệp: Xây dựng và phát hành rộng rãi các cuốn sổ tay/cẩm nang nghề nghiệp để giúp GV, SV phụ huynh có căn cứ lựa chọn nghề nghiệp. Theo đó, các bài trắc nghiệm nhằm mục đích tìm được nhóm nghề/ngề phù hợp với HS/SV là hết sức cần thiết. Việc xây dựng hệ thống thông tin nghề nghiệp này cần sự chung tay của các bên liên quan, bao gồm các nhà giáo dục, phụ huynh HS, người sử dụng lao động.

Thứ ba, nâng cao chất lượng tư vấn chọn nghề cho SV: Tư vấn chọn nghề ở Việt Nam hiện nay mới dừng lại ở mức giới thiệu nghề nghiệp. Cần chú trọng, nâng cao chất lượng của công tác này, nhằm giúp SV hiểu sâu sắc về những cơ hội, thách thức cũng như rủi ro gặp phải trong nghề nghiệp. Đặc biệt, việc phát hiện ra sự phù hợp giữa trí thông minh, năng lực, sở thích của SV với nghề/nhóm nghề tương ứng là rất quan trọng. Nó sẽ giúp định hướng tốt cho SV có thể học tập, lập kế hoạch nghề nghiệp cũng như sẵn sàng để tham gia vào thị trường lao động tốt hơn.

Thứ tư, TVNN phải kết hợp giữa lí thuyết và thực hành: TVNN phải kết hợp giữa lí thuyết và thực hành. Tư vấn tuyển sinh phải kết hợp với việc tham quan, tìm hiểu thực tiễn doanh nghiệp. Tư vấn chọn nghề đòi hỏi thực địa, tìm hiểu những khó khăn và thuận lợi của nghề nghiệp SV yêu thích. Các kĩ năng mềm phải được thực hành thường xuyên thì mới có thể thành thạo. Điều đó

đòi hỏi các bên liên quan phải nhập cuộc, đặc biệt là phát triển mối quan hệ giữa trường đại học và các cơ sở sử dụng lao động.

Thứ năm, đầu tư cơ sở vật chất - kĩ thuật và phát triển nhân sự TVNN: Cần có phòng/ban tư vấn riêng trong trường đại học. Cán bộ làm công tác tư vấn nghề chuyên nghiệp có thể biên chế hoặc làm hợp đồng, cộng tác viên, tư vấn cho từng đối tượng cụ thể. Họ có thể là nhà giáo dục học, tâm lí học, xã hội học, kĩ sư, bác sĩ, kinh tế học, v.v.

4. Kết luận

Từ những kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục cao như Hoa Kỳ, Australia và Trung Quốc về TVNN cho SV đại học, có thể rút ra được những bài học và thực tiễn quý báu cho vấn đề tư vấn nghề nghiệp cho SV đại học tại Việt Nam: Cần TVNN cho HS/SV sớm; phát triển hệ thống thông tin nghề nghiệp; nâng cao chất lượng tư vấn chọn nghề cho SV; kết hợp giữa lí thuyết và thực hành và đầu tư về cơ sở vật chất. Từ đó, từng bước nâng cao chất lượng TVNN cho SV đại học, giúp SV đại học tìm được công ăn việc làm phù hợp, phát huy được năng lực và trí tuệ của bản thân, đóng góp cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*
- [2]. Phạm Tất Dong, (2005), *Một vài vấn đề liên quan đến hướng nghiệp*, Kí yếu Hội thảo quốc tế Vấn đề và Hướng đi cho giáo dục hướng nghiệp Việt Nam, Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Minh Đường - Phan Văn Kha (chủ biên), (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Australia, G., (2015), *Draft National Strategy for International Education.*
- [5]. Bolton, (1986), *People skills*, New York: Touchstone.
- [6]. CBI, (2014), *Building for Growth - education and skills survey.*
- [7]. USES, (2014), *The USA Commission for Employment and Skills.*

THE INTERNATIONAL EXPERIENCE ON CAREER COUNSELING AND AND LESSONS-LEARNT TO VIETNAM

Wuong Hong Hanh
The Vietnam Institute of Educational Sciences

Abstract: *In the current context of international integration and globalization, according to the schedule, after 2015, when the ASEAN Economic Community is established, Vietnamese students will have opportunities to work in other countries. However, the competition will take place on "motherland platform" when opportunities are for all countries in ASEAN region. This context makes career counseling for students at universities more urgent. This article refers to international experience on career counseling, then, proposes solutions to develop career counseling at Vietnamese universities.*

Keywords: *Career counseling; higher education; students.*